

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý
nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng
8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10
tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số
98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị,
khu dân cư tập trung;*

*Căn cứ Thông tư số 02 /2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, TN&MT, NN&PTNT, GTVT; TC; KHĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PTTH Lai Châu, Báo Lai Châu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung về quản lý thu gom, xử lý nước thải; lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung; lộ trình xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị thu gom, xử lý nước thải tại chỗ các khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, khu dân cư không tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

b) Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (*sau đây gọi tắt là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân*) có hoạt động liên quan đến thu gom, thoát nước thải, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nước thải* là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

2. *Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải* gồm mạng lưới thu gom nước thải (*đường ống, hố ga, cống...*), các trạm bơm nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận.

3. *Hoạt động thoát và xử lý nước thải* là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

4. *Đơn vị thoát nước* là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

5. *Hệ thoát nước* (chủ nguồn thải) là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống và hoạt động tại tỉnh Lai Châu có hoạt động xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

6. *Nước thải sinh hoạt* là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...

7. *Nước thải khác* là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

8. *Điểm đầu nối* là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý nước thải

1. Theo các nguyên tắc của pháp luật hiện hành về quản lý nước thải.
2. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ thoát nước tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.
3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải; nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.
4. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quản lý nước thải

Quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung; thực hiện thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung

1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới phải được bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đảm bảo quy định tại Điều 57 và khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Đô thị đã được đầu tư xây dựng trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 nhưng chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) có trách nhiệm bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải theo lộ trình sau:

a) Các phường thuộc thành phố Lai Châu, thị trấn huyện Tân Uyên, thị trấn huyện Mường Tè, thực hiện hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

b) Các xã thuộc thành phố Lai Châu, thị trấn các huyện: Tam Đường, Than Uyên, Nậm Nhùn thực hiện hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2030;

c) Thị trấn các huyện: Phong Thổ, Sìn Hồ thực hiện hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2035.

3. Đối với thị tứ, khu dân cư tập trung thuộc xã đã hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022, nhưng không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, tổ chức, hộ gia đình phải tự xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này trước khi thải vào nguồn tiếp nhận theo lộ trình sau:

a) Các xã thuộc thành phố Lai Châu và các xã tái định cư, thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2030;

b) Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2035;

c) Các xã còn lại thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2045.

4. Tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung phải tự xây dựng các công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ đáp ứng yêu cầu quy định khoản 2 Điều 10 Quy định này; lộ trình thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 6. Thu gom, xử lý nước thải

1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.

2. Nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, phải được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung;

b) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình trong đô thị chưa có công trình xử lý nước thải tập trung phải được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

4. Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó, trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nối nước thải trước ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 7. Hệ thống, công trình, thiết bị xử lý nước thải

1. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý;
- b) Công suất hệ thống xử lý nước phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa;
- c) Xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;
- d) Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật;
- đ) Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải phải xử lý, công suất xử lý đảm bảo lượng nước thải phát sinh tối đa và xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này.

Điều 8. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban

nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước do cấp mình quyết định đầu tư:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước:

- a) Quản lý tài sản hệ thống thoát nước;
- b) Tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước;
- c) Tổ chức giám sát, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;
- d) Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối hộ gia đình đến cống thu gom;
- đ) Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tổ chức các chương trình thông tin, giáo dục, truyền thông về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước trên địa bàn;
- e) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình quản lý. Báo cáo Sở Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, vận hành hệ thống thoát nước định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 9. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý hoặc đơn vị thoát nước được giao là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý.

2. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách là Ban quản lý xây dựng nông thôn xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xây dựng nông thôn xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn vị được giao làm chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới là chủ đầu tư công trình thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư.

5. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

Điều 10. Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải và yêu cầu đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân

1. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đối với đô thị, khu dân cư tập trung:

a) Hiệu quả xử lý của công nghệ: Đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận;

b) Tiết kiệm diện tích đất xây dựng;

c) Quản lý, vận hành và bảo dưỡng phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương;

d) Chi phí đầu tư hợp lý trong đó tính đến cả sự phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu;

đ) Phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận;

e) An toàn và thân thiện với môi trường;

g) Có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai;

h) Đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu;

i) Mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn;

k) Tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trước khi đưa nước thải vào công trình, thiết bị xử lý nước thải;

b) Quy mô công suất công trình, thiết bị xử lý nước thải đáp ứng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa;

c) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ;

d) Có các giải pháp thu gom, phân loại, xử lý hoặc chuyển giao bùn thải phát sinh từ công trình, thiết bị xử lý.

Điều 11. Điều kiện xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung

1. Tại khu vực đã có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ nguồn thải được phép xả nước thải trực tiếp vào điểm đầu nối của hệ thống thoát nước chung để xử lý nước thải tập trung theo hướng dẫn của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

b) Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom, xử lý bằng công trình, thiết bị xử lý tại chỗ đảm bảo quy chuẩn tương ứng với từng loại nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung để xử lý nước thải tập trung theo hướng dẫn của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Tại khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải của hộ gia đình, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải xử lý bằng công trình, thiết bị tại chỗ đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

3. Nước thải có tính chất nguy hại phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại của pháp luật hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ của ngành đối với kiểm soát môi trường; giám sát chất lượng nước thải đối với công trình thoát nước, xử lý nước thải;

b) Chủ trì tham mưu giải quyết hồ sơ thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan quản lý chất lượng nước các lưu vực sông, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các đoạn sông; kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên phạm vi toàn tỉnh;

d) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện về các công trình thoát nước và xử lý nước thải; tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

đ) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

b) Chủ trì thẩm định nội dung liên quan về thoát nước và xử lý nước thải đô thị của các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thu thập, tổng hợp thông tin về cao độ nền xây dựng đô thị, cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để triển khai các dự án, công trình thoát nước đô thị;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước thải của địa phương;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước thải được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước;

g) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về hoạt động đầu tư, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định;

h) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng tình hình quản lý, quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư tập trung theo định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính

a) Thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và từ các nguồn vốn khác;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

b) Làm đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ và vị trí xả thải để thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải của các tổ chức, hộ gia đình xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thẩm định, góp ý công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

8. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

9. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo

quy định của pháp luật. Kịp thời thông tin cho Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện công tác quản lý.

10. Các Sở, ban, ngành liên quan

Các Sở, ban, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, khu dân cư không tập trung.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý nhà nước về nước thải sinh hoạt theo phân cấp quản lý và thực hiện các nhiệm vụ được giao, ủy quyền trên địa bàn.

2. Triển khai thực hiện lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ quy định tại Điều 5 Quy định này trên địa bàn.

3. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này.

4. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thu gom, thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn.

5. Phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thu gom, xử lý, thoát nước trên địa bàn.

6. Bố trí kinh phí hàng năm từ các nguồn kinh phí theo quy định phân cấp ngân sách cho công tác duy tu, sửa chữa, cải tạo hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước, đảm bảo vận hành có hiệu quả và các yêu cầu về an toàn, cảnh quan và môi trường.

7. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý, báo cáo công tác quản lý hoạt động thu gom, xử lý nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu đô thị, khu tập trung dân cư; hoạt động xử lý nước thải tại chỗ của các tổ chức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại các khu vực không có hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý nhà nước về nước thải sinh hoạt theo phân cấp quản lý và thực hiện các nhiệm vụ được giao, ủy quyền trên địa bàn.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

4. Hàng năm, rà soát, báo cáo tình hình thu gom, xử lý, xả nước thải của các tổ chức, hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn quản lý về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước theo quy định của pháp luật.

2. Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp, thay thế, sửa chữa hệ thống thoát nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng ký kết với chủ sở hữu. Kiểm kê hệ thống thoát nước theo định kỳ và cập nhật, báo cáo kịp thời mọi sự thay đổi trong kỳ kiểm kê.

4. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, bảo vệ và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật đối với hoạt động thoát nước. Đồng thời, chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản và an toàn hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

5. Thực hiện giám sát môi trường tại các cửa xả, vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận thuộc hệ thống do mình phụ trách.

6. Tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ thoát nước đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung.

7. Hàng năm thực hiện báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ nguồn thải trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Chủ nguồn thải tại khu vực đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung có trách nhiệm thực hiện việc đầu nối hệ thống thoát nước thải từ bên trong nhà, công trình vào hệ thống thoát nước thải tập trung theo quy định của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ nguồn thải tại khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Quy định này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
